

Bản án số: 09/2019/HSST

Ngày: 13-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà *Nguyễn Thị Quyên*.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông *Triệu Duy Tỏi* và bà *Nguyễn Thị Lý*.

- **Thư ký phiên toà:** Bà *Nguyễn Thanh Nhàn* - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà:** Bà *Nguyễn Thị Diên* - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Đặng Sĩ T- Sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện A, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Sỹ Tả và bà: Đặng Thị H; Vợ: Bùi Thị V; Có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/10/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 97.025.000 đồng (Bản án số 63/2008/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2012. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/8/2018, đến ngày 25/8/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương, *có mặt*.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Phạm Văn Điều** - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương, *có mặt*.

* **Người bị hại:** Chị **Phạm Thị Hà A**, sinh ngày 17-4-2001.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện G, tỉnh H.

* **Người đại diện hợp pháp của người bị hại:** Ông **Phạm Tiến S**, sinh năm 1966 (bố đẻ chị Phạm Thị H).

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện G, tỉnh H.

(Chị A, ông S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị **Bùi Thị V**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện A, tỉnh H, *có mặt*.

* **Người làm chứng:**

Chị **Phạm Thị Thanh T**, sinh ngày 25-11-2001.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 22/8/2018, Đặng Sĩ T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34B1-641.91 đi từ nhà sang khu vực huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, mục đích tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến khu vực đường bê tông vào thôn La Ngoại, xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện theo hướng từ cổng trào đi vào UBND xã. T nhìn thấy em Phạm Thị Hà A, sinh ngày 17/4/2001 điều khiển 01 xe máy điện màu trắng, phía sau chở em Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2001. T điều khiển xe đi vượt lên xe máy điện, khi đi ngang qua xe máy điện, T quan sát thấy trên cổ em Phạm Thị Hà A đeo 01 sợi dây chuyền vàng tây nên nảy sinh ý định tiếp cận để chiếm đoạt chiếc dây chuyền trên. T điều khiển xe quay ngược lại, đi gần vào xe của em Hà A, T dừng xe và giả vờ hỏi tên, đường để em Hà A dừng xe lại. Khi cả hai dừng xe thì T nói: “*Sao mà dám đánh cái L em tao?*”. Rồi T dùng tay trái đánh liên tiếp 2-3 cái vào đầu đang đội mũ bảo hiểm của em Hà A. Em Hà A và T sợ hãi không dám chống cự và nói “*em tên là Hà A chứ không phải H*”, lúc này T dùng tay trái giật sợi dây chuyền vàng trên cổ em Hà A, em Hà A dùng hai tay giữ chặt áo bên tay trái giật lại thì T và xe mô tô bị đổ ra đường, chiếc dây chuyền rơi xuống đường. T bị quần chúng nhân dân cùng lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 dây chuyền + 01 mặt dây chuyền vàng tây, 01 xe mô tô BKS 89B1-641.91.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐG ngày 31/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Miện kết luận: 01 dây chuyền vàng tây dài 46cm, loại vàng 16K trị giá 2.450.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng tây hình 2 chữ “C” lồng vào nhau, đính đá, loại 16K trị giá 1.150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.600.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 21/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thanh Miện kết luận: 01 xe mô tô BKS 89B1-641.91 tại thời điểm ngày 22/8/2018 trị giá 46.519.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 03/VKS-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố Đặng Sĩ T về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đặng Sĩ T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị HĐXX:

1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Sĩ T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2- Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Sĩ T từ 39 tháng tù đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/8/2018.

***Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3- Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô BKS 89B1-641.91 là tài sản chung vợ chồng của T và chị Bùi Thị V, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã T, huyện A, tỉnh H, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên chị Bùi Thị V, do chị V đứng ra mua tại cửa hàng xe máy L, địa chỉ ở ngã tư Cống Tráng, T, xã T, huyện A, tỉnh H với giá 49.400.000 đồng, chị V đã trả lần đầu được 15.000.000 đồng, số tiền còn lại 34.400.000 đồng do chị V tiếp tục vay trả góp với Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, trụ sở tại tầng 2, tòa nhà Ree Tower, số 9 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 22/8/2018, chị V đã trả góp 7 lần = 20.000.000 đồng. Ngày 18/02/2019, Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng xác nhận chị V đã hoàn tất mọi nghĩa vụ trả góp và xác nhận thanh lý hợp đồng. Vì vậy xác định phần đóng góp của T chỉ là 1 phần = 5.000.000 đồng nên cần tịch thu của Đặng Sĩ T 1 phần giá trị chiếc xe mô tô trên là 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. **Đổi trừ số tiền tạm ứng 5.000.000 đồng chị V đã nộp thay cho bị cáo ngày 13/3/2019. Trả lại cho chị V 01 xe mô tô BKS 89B1-641.91 theo quy định tại điểm a khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.**

4- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa, xác định: Tòa án xét xử bị cáo T về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 BLHS là đúng người, đúng tội. Trong vụ án này, bị cáo không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Về chiếc xe mô tô BKS 89B1-641.91 bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là tài sản chung của bị cáo và chị V tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng thực tế bị cáo không có công sức đóng góp mà do chị V mua trả góp hàng tháng bằng tiền lương công nhân của chị nên đề nghị HĐXX xác định công sức tạo lập chiếc xe của chị V nhiều hơn, tịch thu phần tài sản của bị cáo T từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước và trả lại xe mô tô BKS 89B1-641.91 cho chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2} Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 17 giờ, ngày 22/8/2018 tại khu vực đường bê tông vào thôn La Ngoại, xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, Đặng Sĩ T điều khiển xe mô tô BKS 89B1-641.91 đi gần tới xe máy điện của em Phạm Thị Hà A, sinh ngày 17/4/2001 ở thôn Hậu Bông, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, T dừng xe, giả vờ hỏi đường, tên tuổi để em H dừng xe lại. Khi Hà A dừng xe thì T chửi, dùng tay trái tát, giật 01 dây chuyền và 01 mặt dây chuyền vàng tây em Hà A đang đeo trên cổ, tổng trị giá 3.600.000 đồng.

{3} Hành vi của bị cáo xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có hành vi dùng vũ lực ngay tức khắc, dùng tay trái đánh liên tiếp 2-3 cái vào đầu em Hà A khiến em Hà A sợ hãi không dám chống cự, đồng thời bị cáo dùng tay trái giật sợi dây chuyền vàng tây trên cổ của em Hà A nhằm mục đích chiếm đoạt. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp tài sản*". Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo T theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

{4} Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS thì thấy:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng; hành vi bị cáo thực hiện gây dư luận xấu, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn mới đảm bảo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung, phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

{5} Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện kinh tế của bị cáo có khó khăn (thuộc hộ nghèo) nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

{6} Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định 01 sợi dây chuyền + 01 mặt dây chuyền vàng tây thuộc sở hữu hợp pháp của em Phạm Thị Hà A nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện đã trả lại cho em Hà A, em Hà A và gia đình không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác nên vấn đề dân sự trong vụ án không phải giải quyết.

{7} Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa, chị V đề nghị HĐXX xác định ký phần tài sản (xe mô tô BKS 89B1-641.91) của chị và bị cáo T, chị xin đ-ợc nhận lại

xe mô tô để có phương tiện đi làm, chị nộp thay bị cáo T số tiền HĐXX xác định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xét thấy: Xe mô tô BKS 89B1-641.91 bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của bị cáo và vợ (chị V). Xét công sức của mỗi bên để tạo lập tài sản chung này (xe mô tô) thì: Chị V trực tiếp giao dịch mua xe mô tô BKS 89B1-641.91 trị giá 49.400.000 đồng, nguồn tiền mua xe mô tô do chị tiết kiệm từ lương công nhân của chị được 15.000.000 đồng; số tiền còn thiếu 34.400.000 đồng, chị ký hợp đồng tín dụng với bên thứ 3 là Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng để vay trả góp, đến ngày 18/02/2019 chị đã trả xong toàn bộ số nợ (có văn bản xác nhận thanh lý hợp đồng của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng). Bản thân bị cáo T cũng thừa nhận bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản đóng góp khi chị V mua xe mô tô. Vì vậy xác định chị V có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập tài sản chung là chiếc xe mô tô BKS 89B1-641.91.

Bản thân chị V hiện đang là lao động chính nuôi hai con nhỏ (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015), xe mô tô là phương tiện cần thiết để chị đảm bảo duy trì cuộc sống của 3 member con. Vì vậy nên trả lại chị V xe mô tô BKS 89B1-641.91. Tịch thu sung quỹ Nhà nước một phần giá trị xe mô tô BKS 89B1-641.91 thuộc sở hữu của bị cáo Tầm là 5.000.000 đồng phù hợp quy định điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

{7} Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; **điểm** a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Sĩ T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2- Về hình phạt chính: Xử phạt: Bị cáo Đặng Sĩ T 40 (Bốn member oi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/8/2018.

***Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3- Về vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước một phần giá trị xe mô tô BKS 89B1-641.91 là 5.000.000 đồng (Đổi trừ số tiền tạm ứng 5.000.000 đồng chị V đã nộp thay bị cáo ngày 13/3/2019 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương).

Trả lại chị Bùi Thị V, sinh năm 1996 ở Thị Tân, Tân Phúc, Ân Thi, Hưng Yên xe mô tô BKS 89B1-641.91, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, sơn màu xanh.

4- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Sỹ T.

Bị cáo Đặng Sỹ T có quyền kháng cáo bản án, chị Bùi Thị V có quyền kháng cáo bản án (về phần có liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện Thanh Miện;
- Cơ quan thi hành án hình sự (CA tỉnh HD);
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên